

Tái tạo giai tầng của đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay (trường hợp ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long)

Hoàng Thị Quyên^(*)

Tóm tắt: Trên cơ sở nguồn số liệu điều tra được chúng tôi thực hiện năm 2016-2017, với mẫu nghiên cứu là hơn 600 cán bộ công chức - những người đang giữ vị trí quan trọng trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và cơ quan đơn vị sự nghiệp ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, bài viết phân tích sự kế tục và chuyển dịch các địa vị nghề của một bộ phận đội ngũ trí thức nhằm làm rõ cơ chế chuyển giao các ưu thế và bất lợi xã hội từ thế hệ này sang thế hệ khác đang diễn ra trong xã hội Việt Nam đương đại.

Từ khóa: Tái tạo giai tầng, Tái sản xuất thế hệ, Chuyển dịch xã hội, Địa vị nghề

Abstract: This article presents the results of our 2016 - 2017 survey conducted using a non-random sample of more than 600 high-ranking civil servants working for government agencies in the Mekong Delta. Following that, it analyses the succession and mobility of occupational position within the intelligentsia with the aim of defining the transfer mechanism of advantages and disadvantages from generations to generations in Vietnam's modern society.

Keyword: Reformation of Social Class; Generation Reproduction; Social Mobility; Occupational Position

1. Đặt vấn đề

Người ta thường tin rằng địa vị cao hay thấp của cá nhân trong cơ cấu phân tầng xã hội là do khả năng, nỗ lực hay các đặc trưng cá nhân quy định. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu lại cho thấy các đặc trưng cá nhân này chịu sự tác động của nhiều nhân tố khác, trong đó có nguồn gốc xuất thân, hoàn cảnh gia đình. Địa vị của cha mẹ luôn

chứa đựng nhiều yếu tố mang đến những cơ hội hay bất lợi cho con cái, điều đó có nghĩa là số phận của mỗi cá nhân có thể được định đoạt bởi các yếu tố sẵn có khi sinh ra (Gregory Clark, 2017: 19-20).

Vậy sự tái tạo các địa vị xã hội của tầng lớp trí thức - tầng lớp “đã từng đứng ngoài các định hạng” hay “không thể định hạng” (Trịnh Văn Thảo, 2013: 18) có diễn ra theo quy luật xã hội mà chúng tôi vừa đề cập đến hay không? Các trí thức trong xã hội Việt Nam đương đại đã kế thừa những ưu thế và

^(*) ThS., Khoa Xã hội học - Học viện Chính trị khu vực IV; Email: hoangquyenhv4@gmail.com

bất lợi xã hội của cha mẹ ra sao trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình? Đó là trọng tâm vấn đề chúng tôi muốn đề cập trong bài viết này.

Tái tạo giai tầng ở đây được hiểu là việc tạo ra một giai tầng mới trong xã hội từ giai tầng cũ (“cũ” ở đây nghĩa là giai tầng xã hội của thế hệ cha mẹ, còn “mới” là giai tầng xã hội của thế hệ con cái). Việc tái tạo có thể diễn ra theo quy luật đơn giản hoặc mở rộng: Đơn giản là tạo ra giai tầng tương tự; còn mở rộng là việc tạo ra một giai tầng trong đó con cái có cha mẹ thuộc giai tầng này nhưng lại gia nhập vào giai tầng khác.

2. Việc làm của trí thức trong cấu trúc phân tầng nghề nghiệp

Nghề nghiệp là nhân tố quan trọng quyết định địa vị xã hội của mỗi cá nhân. Điều này đúng đối với mọi xã hội, đặc

biệt là ở Việt Nam nơi mà “lao động là nguồn thu nhập chính của hộ gia đình. Mức sống của hộ gia đình vì thế phụ thuộc vào phương thức các cá nhân hội nhập vào thị trường lao động...” (Stephane Lagree - Jean - Pierre Cling, 2010: 87). Lao động hay nói cách khác việc làm và vị trí việc làm là nguồn cơ bản tạo ra những bất bình đẳng, nó chiếm tới 70% tổng bất bình đẳng tại Việt Nam ở cả khu vực thành thị và nông thôn (Viện Nghiên cứu phát triển - Cơ quan phát triển Pháp - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2011). Do đó, khi phân tích về phân tầng và bất bình đẳng, không thể bỏ qua việc xem xét cụ thể khả năng hội nhập vào thị trường lao động của các cá nhân nhằm chỉ ra nguyên nhân của phân tầng xuất phát từ vị thế trên thị trường lao động (Hoàng Thị Quyên, 2013: 31). Các

Bảng 1: Phân tầng xã hội theo nghề nghiệp trong các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Các tác giả	Lê Thanh Sang và Nguyễn Thị Minh Châu	Bùi Thế Cường và Phạm Thị Dung	Đỗ Thiên Kính, Hoàng Thị Quyên, Trần Văn Thạch	Nguyễn Ngọc Toại
1	Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước bậc trên	Lãnh đạo	Lãnh đạo
2	Quản lý công ty	Chủ sở hữu bậc trên	Doanh nhân	Chuyên viên kỹ thuật
3	Chủ tư nhân	Nông dân bậc trên	Chuyên môn cao	Nông dân lớp trên
4	Chuyên viên kỹ thuật	Chuyên môn bậc trên	Nhân viên	Nhân viên
5	Nhân viên	Quản lý nhà nước bậc dưới	Buôn bán - Dịch vụ	Buôn bán - dịch vụ
6	Công nhân - Thợ thủ công	Chủ sở hữu bậc dưới	Công nhân	Công nhân - Thợ thủ công
7	Nông dân lớp trên	Chuyên môn bậc dưới	Tiểu thủ công nghiệp	Nông dân lớp giữa
8	Nông dân lớp giữa	Nông dân bậc giữa	Lao động giản đơn	Nông dân lớp dưới
9	Nông dân lớp dưới	Công nhân, thợ thủ công	Nông dân	Lao động giản đơn
10	Lao động giản đơn	Nông dân bậc dưới		
11		Lao động phi nông nghiệp bậc dưới		

Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên các nghiên cứu của: Nguyễn Ngọc Toại (2016), Trần Văn Thạch (2014), Hoàng Thị Quyên (2013).

nhà nghiên cứu cũng thường dựa vào nghề nghiệp để chỉ ra các tầng lớp khác nhau trong xã hội. Tuy nhiên, việc gán cho mỗi nghề một giá trị nào đó và xếp hạng các địa vị nghề là không đơn giản và sẽ có nhiều điểm khác biệt ở các xã hội khác nhau. Ở Anh, về hệ thống phân tầng nghề nghiệp, các nhà nghiên cứu thường chia thành sáu nhóm như sau: (i) Nhân viên quản lý, hành chính hoặc chuyên môn cấp cao; (ii) Nhân viên quản lý, hành chính hoặc chuyên môn cấp trung; (iii) Nhân viên quản lý, hành chính hoặc chuyên môn cấp dưới và nhân viên giám sát hoặc nhân viên văn phòng; (iv) Lao động có tay nghề cao; (v) Lao động phổ thông hoặc bán tay nghề; (vi) Lao động không thường xuyên hoặc cấp thấp, người về hưu và những người phụ thuộc vào trợ cấp nhà nước (Gregory Clark, (2017: 367) Theo cách phân tầng nghề nghiệp này thì việc làm của đội ngũ trí thức được xếp ở vị trí cao trong tháp phân tầng nghề nghiệp.

Ở Việt Nam, những năm qua đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến hệ thống phân tầng nghề nghiệp. Hầu hết các nghiên cứu theo hướng này đều dựa vào danh mục nghề nghiệp do Tổng cục Thống kê ban hành, đồng thời kết hợp với các chỉ số về thu nhập, trình độ học vấn, uy tín nghề nghiệp hay các đặc trưng xã hội khác để sắp xếp thứ bậc địa vị đối với các nghề nghiệp. Theo đó, cơ cấu các tầng lớp xã hội cơ bản ở Việt Nam có thể được sắp xếp theo thứ tự từ địa vị cao xuống địa vị thấp theo nhóm nghề như Bảng 1.

Trong cơ cấu phân tầng nghề nghiệp theo hướng này, đội ngũ trí thức được xếp ở nhóm nghề từ nhóm số 1 cho đến nhóm số 5, đây là những nhóm nghề được xếp ở tầng lớp cao và tầng lớp giữa/tầng lớp trung lưu. Phần lớn các trí thức trong mẫu nghiên cứu

của chúng tôi là các cán bộ đang nắm giữ vị trí chủ chốt ở các cơ quan trong hệ thống chính trị hay các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long như các bệnh viện, trường học, 24,2% trong số đó hiện có trình độ học vấn ở bậc sau đại học và hơn 75% có bằng cao đẳng hay đại học. Do vậy, xét theo bất cứ tiêu chí nào (từ yếu tố kinh tế như: thu nhập, chi tiêu, sở hữu; hay yếu tố quyền lực; yếu tố văn hóa trí tuệ) thì đội ngũ trí thức vẫn đang được xếp ở vị trí cao hơn trong tháp phân tầng. Điều này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội ở Việt Nam, nơi mà yếu tố kinh tế gắn liền hay có mối liên hệ chặt chẽ với yếu tố quyền lực (Trần Văn Thạch, 2014: 61).

Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, nhóm các nhà lãnh đạo quản lý - những người nắm giữ vị trí chủ chốt trong các cơ quan hành chính nhà nước, các ban Đảng hay các tổ chức chính trị - xã hội thường có mức thu nhập và chi tiêu cao hơn các nhóm nghề khác (Vũ Mạnh Lợi, 2013).

Bảng 2: Vị thế các tầng lớp trong xã hội dưới góc nhìn của người công nhân

Tầng lớp theo nhóm nghề	Điểm trung bình	Xếp hạng theo điểm đánh giá
Vị thế doanh nhân	1,99	2
Vị thế nông dân	5,30	6
Vị thế lãnh đạo, cấp quản lý nhà nước	1,60	1
Vị thế nhân viên, viên chức	2,92	3
Vị thế người buôn bán, dịch vụ nhỏ	4,63	4
Vị thế lao động giản đơn như xe ôm, bán vé số, khuôn vác	6,41	7
Vị thế công nhân	5,15	5

Nguồn: Nguyễn Quang Huy (2016).

Đồng thời, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước cũng được xã hội đánh giá cao hơn về vị thế nghề nghiệp so với các nghề khác trong xã hội (Bảng 2). Từ ý kiến, niềm tin đến thái độ và thực hành, các cá nhân trong xã hội đều đánh giá cao vị thế việc làm của các công chức, viên chức nhà nước - những người thực thi pháp luật và thi hành công vụ phục vụ lợi ích chung của xã hội.

3. Nguồn gốc xã hội của trí thức

Vị thế trên thị trường lao động mà mỗi cá nhân có được phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố liên quan đến điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nói chung, có yếu tố thuộc về đặc điểm cá nhân như trình độ học vấn, năng lực, giới tính; có yếu tố thuộc về hoàn cảnh gia đình, môi trường sống... Tựu trung lại, việc làm của mỗi cá nhân phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội cũng như các nguồn lực và việc sử dụng các nguồn lực mà mỗi cá nhân có được. Nó cũng có nghĩa rằng, các cá nhân có nhiều lượng và loại nguồn lực hơn (ví dụ được sinh ra trong một gia đình có điều kiện tốt hơn về kinh tế, về các mối quan hệ xã hội, hay có vốn văn hóa, có trình độ học vấn tốt hơn...) thì cũng có ưu thế trong việc sử dụng và biến đổi chúng để đạt được các nguồn lực khác. Điều này tạo nên sự tái sản sinh những ưu thế và bất lợi xã hội. Câu hỏi đặt ra là, các trí thức - những người đang được xã hội xếp hạng có vị thế việc làm cao trong cơ cấu phân tầng nghề nghiệp đã chuyển hóa những ưu thế xã hội của bản thân và gia đình như thế nào trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình?

Trong công trình *Ba thế hệ trí thức người Việt (1862-1954)*, khi nghiên cứu về nguồn gốc xuất thân của các trí thức Việt Nam thế hệ năm 1862, thế hệ năm 1907 và

thế hệ năm 1925, Trịnh Văn Thảo đã chỉ ra rằng, phần lớn các trí thức Việt Nam đều có nguồn gốc xuất thân trong các gia đình trí thức (Bảng 3). Điều đó có nghĩa là dưới

Bảng 3: Tầng lớp xã hội của cha mẹ trí thức thế hệ năm 1925, năm 1907, năm 1862

Đơn vị: %

Tầng lớp xã hội của cha mẹ	Thế hệ năm 1862	Thế hệ năm 1907	Thế hệ năm 1925
Nông dân	22	18	8
Trí thức	34	48	48
Quan lại	31		
Hoàng tộc	13		
Trí thức - Viên chức		30	16
Điền chủ Nam kỳ		4	
Thợ thủ công			7
Viên chức hành chính thực dân			14
Chủ thầu			2
Điền chủ			5

Nguồn: Trịnh Văn Thảo (2013).

góc nhìn nguồn gốc xã hội của các trí thức, có thể thấy rõ quá trình “tái tạo giai tầng xã hội” hơn là “tạo ra giai tầng xã hội” (Trịnh Văn Thảo, 2013: 140). Hay nói cách khác, trong quá trình cơ cấu lại xã hội, những người con của tầng lớp trí thức vẫn có ưu thế nhất định để trở thành trí thức trong xã hội mới. Do đó, những cá nhân có cha mẹ là nông dân hay thợ thủ công sẽ có xác suất thấp hơn trong việc tham gia vào giai tầng xã hội được tin tưởng, đảm trách những trách nhiệm cao.

Điều này phù hợp với quan điểm của các nhà xã hội học, tiêu biểu là P. Bordieu, rằng nguồn gốc xuất thân của các cá nhân, môi trường hành động, các tập tính của cá nhân hay các loại và lượng vốn mà các cá nhân chiếm giữ là những nhân tố quan trọng quyết định địa vị nghề của họ. Con cái của tầng lớp trí thức xưa trong mẫu nghiên cứu

của Trịnh Văn Thảo đã phát huy được lợi thế xã hội của mình để tiếp tục trở thành trí thức.

Vậy quy luật chuyển giao ưu thế và bất lợi xã hội trong nghiên cứu của Trịnh Văn Thảo còn đúng hay không trong bối cảnh hiện nay khi biến đổi cơ cấu kinh tế gắn liền với biến đổi cấu trúc xã hội đang diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các cấp độ?

Khi xem xét nguồn gốc xã hội của những trí thức trong mẫu nghiên cứu, chúng tôi thấy một mô hình mới trong quá trình tái tạo giai tầng của tầng lớp trí thức trong xã hội Việt Nam đương đại.

Số liệu trong Bảng 3 và Bảng 4 cho thấy có sự khác biệt tương đối rõ nét về quá trình tái tạo giai tầng của tầng lớp trí thức giữa xã hội Việt Nam xưa và xã hội

Việt Nam trong bối cảnh hiện tại. Nếu các trí thức Việt Nam trong mẫu nghiên cứu của Trịnh Văn Thảo có nguồn gốc xuất thân chủ yếu từ tầng lớp quan lại hay trí thức, thì phần lớn trí thức (hơn 50%) trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi hiện nay có cha, mẹ là nông dân. Trong xã hội Việt Nam thời phong kiến và thời thực dân nửa phong kiến, nguồn gốc nông dân có thể là một chương ngại vật để các cá nhân có thể mở ra cánh cửa trở thành trí thức. Xã hội mới đã gỡ bỏ những rào cản, tạo ra nhiều cơ hội hơn cho con em của những người lao động, trong đó có con em của những người nông dân, vươn lên chiếm giữ các địa vị nghề cao hơn trong tháp phân tầng nghề nghiệp, trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi là gia nhập vào hàng ngũ những người làm lãnh đạo, quản lý đất nước.

Điều đó cho thấy, xã hội Việt Nam sau nhiều thế hệ là một xã hội mở hơn, sự chuyển dịch giữa các giai tầng xã hội diễn ra nhanh hơn. Hệ số mở cho toàn bộ mô hình di động nghề nghiệp liên thế hệ trong công trình nghiên cứu trước đây của chúng tôi là 0,78 cho mô hình di động giữa cha và con và 0,64 cho mô hình di động giữa mẹ và con (Hoàng Thị Quyên, 2013). Chính quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế gắn liền với biến đổi cấu trúc xã hội; sự mở rộng các cơ hội giáo dục đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc di động nghề nghiệp của các cá nhân trong xã hội.

Nhưng điều này liệu có nghĩa là con cái của những

Bảng 4: Nguồn gốc xã hội của trí thức khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

Tầng lớp xã hội của cha/mẹ	Cha		Mẹ	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Lãnh đạo, quản lý trong các ban Đảng, cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp huyện trở lên	92	14,5	10	1,6
Lãnh đạo, quản lý cấp xã, phường	2	0,3		
Làm việc trong ngành công an, quân đội	18	2,8		
Doanh nhân	8	1,3	8	1,3
Chuyên môn cao	6	0,9	2	0,3
Nhân viên	108	17,0	70	11
Công nhân	4	0,6	2	0,3
Dịch vụ - buôn bán	38	6,0	70	11
Tiểu thủ công nghiệp	8	1,3	6	0,9
Nông dân	352	55,3	342	53,8
Khác (nội trợ)			126	19,8
Tổng	636	100,0	636	100,0

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả.

người trí thức, hay những tầng lớp đang được xếp ở thứ hạng cao trong cơ cấu phân tầng nghề nghiệp đã không còn phát huy được những lợi thế từ nguồn gốc xuất thân của mình để gia nhập vào đội ngũ trí thức? Câu trả lời là “không”, bởi nếu nhìn vào các con số, có thể thấy quy luật về sự chuyển giao những ưu thế xã hội của những người xuất thân trong các gia đình ở tầng lớp trên vẫn nguyên giá trị. Hơn 35% trí thức trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi vẫn có cha có vị thế nghề nghiệp ở tầng lớp cao hay tầng lớp giữa; 14,8% những nhà lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị có cha là lãnh đạo quản lý trong các cơ quan của Đảng hay cơ quan hành chính các cấp.

Nếu xét cơ cấu nghề nghiệp của cha mẹ các trí thức, có thể thấy được sự tác động của quy luật chuyển giao những ưu thế và bất lợi xã hội. Kết quả một khảo sát năm 1978 cho thấy, ở Đồng bằng sông Cửu Long, tầng lớp trung nông chiếm 70% dân số nông thôn (Theo: Lê Đình Trọng, 2008). Điều đó có nghĩa là hơn 70% dân số trong xã hội lúc đó là nông dân và nếu cơ hội để một cá nhân trở thành trí thức là ngang nhau (không tính đến ảnh hưởng của di dân) thì cơ cấu nghề nghiệp của cha mẹ các trí thức hiện nay cũng phải theo tỷ lệ là hơn 70% là nông dân. Nhưng trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi (Bảng 4) chỉ có 55,3% những người cha và 53,8% những người mẹ của trí thức hiện nay là nông dân. Điều đó có nghĩa là, con em trong các gia đình có cha mẹ là trí thức vẫn có xác suất cao hơn để trở thành các trí thức trong xã hội mới. Sau nhiều thế hệ, quá trình tái tạo giai tầng xã hội của đội ngũ trí thức này trong xã hội Việt Nam vẫn là quá trình tái tạo giai tầng xã hội một cách đơn giản, nó thiên về quá trình tái tạo lại giai tầng hơn

là quá trình tạo ra, mở rộng giai tầng xã hội. Như vậy, dù xã hội Việt Nam đương đại có tạo ra nhiều hơn các cơ hội cho các cá nhân trong quá trình di động, thì đối với đội ngũ trí thức, địa vị xã hội của cha mẹ vẫn chứa đựng nhiều yếu tố mang đến cơ hội cho con cái.

4. Kết luận

Các nghiên cứu về chuyển dịch xã hội trong cùng thế hệ hay liên thế hệ ở các quốc gia khác nhau đều cho thấy rằng, dòng họ, gia đình có vai trò quan trọng quyết định địa vị xã hội của các cá nhân (Dẫn theo: Gregory Clark, 2017: 31). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi nhấn mạnh rằng, quá trình chuyển giao các nguồn lực này diễn ra theo những cách thức rất khác nhau trong cùng xã hội nhưng ở những thời điểm khác nhau.

Trong xã hội Việt Nam thời phong kiến hay thực dân nửa phong kiến, phần lớn các trí thức có nguồn gốc xuất thân trong các gia đình trí thức. Quy luật tái tạo giai tầng xã hội này vẫn ít nhiều được duy trì trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại khi mà địa vị xã hội của cha mẹ vẫn chứa đựng nhiều yếu tố mang đến cơ hội cho con cái trong việc chiếm giữ các địa vị nghề cao trong tháp phân tầng nghề nghiệp.

Tuy nhiên, sau nhiều thế hệ cùng với sự chuyển đổi cơ cấu việc làm, việc mở rộng các cơ hội giáo dục đã tạo ra nhiều hơn các cơ hội để con cái của những người nông dân, thợ thủ công vươn lên trở thành những người lãnh đạo, quản lý đất nước. Tầng lớp trí thức trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi phần lớn là những người đang nắm giữ vị trí chủ chốt trong các cơ quan công quyền thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, xét theo bất cứ tiêu chí nào (kinh tế, quyền lực, uy tín hay học vấn), đây là những người có địa vị nghề được xếp ở tầng cao trong

thấp phân tầng nghề nghiệp, nhưng phần lớn trong số họ có nguồn gốc xuất thân từ các gia đình nông dân. Điều đó có nghĩa là chuyển dịch xã hội đang diễn ra nhanh hơn trong xã hội hiện nay □

Tài Liệu tham khảo

1. Gregory Clark (2017), *Sức bật cho thế hệ mới*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Huy (2016), “Nghề nghiệp và vị thế: Một phân tích diễn ngôn về vai trò giai cấp công nhân Việt Nam”, trong: Nguyễn Đức Lộc (2016), *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại*, tập 1, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
3. Vũ Mạnh Lợi (2013), “Vấn đề nghề phụ và cơ cấu nghề nghiệp xã hội”, *Tạp chí Xã hội học*, số 1 (121)/2013.
4. Hoàng Thị Quyên (2013), “Di động nghề nghiệp liên thế hệ ở khu vực nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số 3(4), tr. 31-37.
5. Hoàng Thị Quyên (2013), *Di động nghề nghiệp liên thế hệ khu vực Đồng bằng sông Hồng*, Luận văn thạc sĩ Xã hội học, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Stephane Lagree - Jean - Pierre Cling (2010), *Chiến lược giảm nghèo: Các cách tiếp cận và phương pháp liên ngành - Khóa học mùa hè về khoa học xã hội 2009*, Nxb. Tri thức, Hà Nội
7. Trần Văn Thạch (2014), *Biến đổi phân tầng xã hội nghề nghiệp ở thành phố Đà Nẵng từ 2002 đến 2010*, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
8. Trịnh Văn Thảo (2013), *Ba thế hệ tri thức người Việt (1862-1954), Nghiên cứu lịch sử xã hội*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
9. Lê Đình Trọng (2008), *Tình hình kinh tế nông nghiệp miền Nam Việt Nam 1955-1975*, <https://chevietnam.wordpress.com/2009/06/11/tinh-hinh-kinh-t%E1%BA%BF-nong-nghi%E1%BB%87p-mi%E1%BB%81n-nam-vi%E1%BB%87t-nam-1955-1975-tom-t%E1%BA%Aft/>
10. Nguyễn Ngọc Toại (2016), “Di động nghề nghiệp liên thế hệ ở Nam bộ - Một số vấn đề phương pháp luận”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 9.
11. Viện Nghiên cứu phát triển - Cơ quan phát triển Pháp - Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2011), *Phân biệt xã hội và bất bình đẳng*, Tài liệu Hội thảo “Ngày nghiên cứu sinh khoa học xã hội 2011”.